

Bản án số: 15/2026/HC-PT

Ngày 29 - 9 - 2026

V/v khiếu kiện quyết định và hành vi hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn A Đam

Các Thẩm phán:

Ông Huỳnh Văn Yên

Bà Đinh Cẩm Đào

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Thế Bắc là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Trương Trung Tín - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 20/2026/TLPT-HC ngày 20 tháng 8 năm 2026, về việc “Khiếu kiện quyết định và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 05/2026/HC-ST ngày 10 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 20/2026/QĐ-PT ngày 04 tháng 9 năm 2026, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Trường H, sinh năm: 1975. Căn cước công dân số: 096075000179.

Địa chỉ: Ấp B, xã N, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Đinh Văn D, sinh năm 1958; căn cước công dân số: 096058004816; địa chỉ: Ấp C, xã Đ, tỉnh Cà Mau (theo hợp đồng ủy quyền ngày 01/6/2026, có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Trường H: Ông Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1966; Địa chỉ: Số A, đường N, khóm A, phường A, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Người bị kiện:

1/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số B đường H, phường T, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C:

+ Ông Huỳnh Thanh D1, sinh ngày 15/9/1973, căn cước công dân số: 096073010697; Chức vụ: Phó Giám đốc Sở N (vắng mặt).

+ Ông Lê Văn M, sinh ngày 27/01/1974, căn cước công dân số 096074004397; Chức vụ: Phó Chi cục trưởng C, Sở N (có mặt).

Cùng địa chỉ cơ quan: Số G, đường N, phường A, tỉnh Cà Mau.

2/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ: Ông Trần Viết L – Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ cơ quan: Ấp K, xã Đ, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt);

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã Đ: Ông Lê Thanh M1 – Phó trưởng phòng Kinh tế xã Đ (có mặt).

Cùng địa chỉ cơ quan: Ấp K, xã Đ, tỉnh Cà Mau.

2/ Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh C (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số E - đường T, khóm D, phường T, tỉnh Cà Mau.

- Người kháng cáo: Ông Nguyễn Trường H là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:*

Ông Nguyễn Trường H yêu cầu hủy quyết định số 1140 ngày 08/5/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ; Quyết định số 0806 ngày 29/8/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C và yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Đ bồi thường cho ông H toàn bộ diện tích 3.608,2m² mặt nước nuôi trồng thủy sản thửa đất số 9, tờ bản đồ số 01 tại ấp C, xã Đ gồm cây trồng, vật nuôi, vật kiến trúc gắn liền với đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại và thực hiện các chính sách hỗ trợ theo quy định pháp luật, cụ thể yêu cầu bồi thường nhà, nhà ở, vật kiến trúc bồi thường, hỗ trợ theo giá trị thực 100% với mức giá ông H yêu cầu như sau:

- Không thống nhất mức hỗ trợ về đất diện tích 3.608,2m² số tiền hỗ trợ 86.596.800 đồng. Yêu cầu hỗ trợ giá đất theo giá thực tế, không yêu cầu bồi thường, mức 150.000đ/m².

- Yêu cầu hỗ trợ tiền san lấp mặt bằng, tính theo mức giá đất NTS là 45.000đ/m³, thực tế ông H đã bồi đắp vị trí san lấp đất tính từ vách là cột bê tông thứ 1 từ mé ao sau hậu đất tới trụ bê tông thứ 3 chiều dài 10,8m x ngang 25m, cao 1,8m trừ 06m ao lót bạt. Thực tế tiền công và mua đất ông H đã chi ước tính khoảng 500.000.000 đồng.

- Đối với cây trồng trên đất thì thống nhất về số lượng cây, chủng loại nhưng không thống nhất về giá, mức giá ông H yêu cầu theo thực tế là: Dừa ăn trái: 1.500.000đ/cây; Mãng cầu: 500.000đ/cây; Sa bô: 500.000đ/cây; Mận: 500.000đ/cây. Xoài: 1.500.000đ/cây; Chanh: 500.000đ/cây; Ổi: 500.000đ/cây; Thanh long: 300.000đ/cây; Chùm ruột: 500.000đ/cây; Cà na: 400.000đ/cây; Táo: 400.000đ/cây; Bưởi: 400.000đ/cây; Chanh: 300.000đ/cây; Cóc: 500.000đ/cây; Lê ki ma: 400.000đ/cây; Khế: 500.000đ/cây; Chuối: 150.000đ/cây; Vú sữa: 1.500.000đ/cây; M2 vàng: 500.000đ/cây; Đất san lấp vườn: 130.000đ/m³.

- Hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm 60.000đ/m² x 4 = 240.000đ/m².

- Đối với sàn nước, hàng rào, trụ bê tông cốt thép, kè chắn tạm, ao cá thì thống nhất về diện tích và kết cấu theo bảng tính chi tiết, không thống nhất giá.

Căn cứ khởi kiện: Ngày 14/10/2024, Ủy ban nhân dân huyện N ban hành phương án về việc hỗ trợ dự án vị trí đóng quân cục 72/tổng cục I. Ủy ban nhân dân huyện N áp dụng Luật đất đai năm 2024 nhưng không áp dụng đầy đủ các điều khoản về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất theo Luật đất đai năm 2024.

Ngày 02/01/2025, ông H gửi đơn khiếu nại phương án số 106 của Ủy ban nhân dân và số 36 ngày 14/10/2024 của Ủy ban nhân dân huyện N, đề nghị Ủy ban nhân dân huyện thực hiện việc thu hồi đất của người đang sử dụng đúng theo quy định tại Điều 102 Luật đất đai Bồi thường thiệt hại về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất. Điều 103 Bồi thường cây trồng, vật nuôi. Điều 104 Luật đất đai Bồi thường chi phí di chuyển tài sản khi nhà nước thu hồi đất. Điều 107 Luật đất đai Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. Điều 109 Luật đất đai hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân khi nhà nước thu hồi đất. Điều 117 Luật đất đai việc quyết định giao đất, cho thuê đất đối với đất đang có người quản lý, sử dụng cho người khác chỉ được thực hiện sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất và phải thực hiện xong việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định pháp luật.

Tại Quyết định số 1140 giải quyết khiếu nại Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N trả lời “*chỉ đạo Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện lập phương án hỗ trợ phần đất cho ông H bằng 40% giá đất, hỗ trợ nhà và vật kiến trúc bằng 25% được quy định tại QĐ số 41 ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh C về ban hành bảng giá các loại đất...*” bác đơn khiếu nại của ông H.

Tại Quyết định số 0806 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C căn cứ khoản 3, khoản 4 Điều 101 Luật đất đai năm 2024 về trường hợp không được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất, bác khiếu nại và giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu.

Ủy ban nhân dân tỉnh C vào Quy định số 41 ngày 20/12/2019 là không phù hợp vì Quy định số 41 chi tiết hóa cho Luật đất đai năm 2013, không áp dụng cho Luật đất đai năm 2024.

- Không đồng ý việc Ủy ban áp dụng các văn bản dưới Luật của năm 2019, 2021 để áp dụng Luật đất đai năm 2024.

- Đề nghị yêu cầu cơ quan chức năng dựa vào các điều luật của Luật đất đai năm 2024 để bồi thường cho đúng.

Có một số hộ khác cùng khu vực, vị trí đất như hộ của ông H nhưng lại được bồi thường, hỗ trợ chuyển đổi nghề nhưng ông H không được, như hộ bà Cao Thị L1 và ông Trương Đức T cũng không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND xã Đ trình bày:*

Thực hiện Quyết định 2709/QĐ-TM ngày 22/11/2021 của Bộ T2 về việc điều chuyển quản lý, sử dụng khoảng 50ha đất quốc phòng do Quân khu I1 đang quản lý tại sân bay N cho Tổng cục I2 quản lý, sử dụng vào mục đích quốc phòng.

Thực hiện kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc kiểm đếm bồi thường, giải quyết mặt bằng thực hiện dự án vị trí đóng quân Cục 72/Tổng cục I, được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt tại Quyết định số 122 ngày 08/6/2022. Ngày 11/6/2022, Trung tâm K1 phối hợp chính quyền địa phương tiến hành thực hiện công tác đo đạc, kiểm đếm đối với các hộ gia đình cá nhân bị ảnh hưởng bởi dự án theo quy định.

Trên cơ sở kết quả đo đạc kiểm đếm của các hộ gia đình cá nhân bị ảnh hưởng bởi dự án. Thực hiện ý kiến kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại Thông báo số 1728/TB-VP ngày 06/6/2024 và Công văn số 7439/UBND-NNTN của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh chính sách hỗ trợ giải phóng mặt bằng di dời các hộ gia đình cá nhân tại sân bay N.

Trên cơ sở nguồn gốc đất của Quốc phòng và Ủy ban có văn bản số 1728/TB-VP ngày 06/6/2024 xác định có 05 trường hợp được hỗ trợ: hỗ trợ về đất bằng 40% tại văn bản số 7439/UBND-NNTN và các chính sách còn lại thì thực hiện các chính sách hỗ trợ công trình vật kiến trúc có thời gian trước 01/7/2006 thì hỗ trợ 50%, sau đó thì hỗ trợ 25%, hỗ trợ cây trồng theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về giá cây trồng địa bàn tỉnh; chính sách di dời đối với có nhà không có thì hỗ trợ tái định cư (41 hộ).

Đối với trường hợp xây dựng nhà từ 01/07/2006 – 29/4/2022 thì hỗ trợ 25% còn xây dựng sau đó không tính. Từ năm 2008 theo Quyết định số 11 và 12 hộ bà L1 và ông T nằm ngoài danh sách thu hồi đất quốc phòng nên được bồi thường; đối với các hộ còn lại thì đã có quyết định thu hồi đất thì đất nằm trong danh sách nên được hỗ trợ.

Ủy ban nhân dân huyện đã phê duyệt phương án hỗ trợ thực hiện dự án vị trí đóng quân cục 72/tổng cục I tại Quyết định số 2139 ngày 06/9/2024 và Quyết định số 2452 ngày 07/10/2024 đối với 77 hộ gia đình cá nhân và 01 trường hợp tranh chấp bị ảnh hưởng bởi dự án.

Ngày 20/12/2024, Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định thu hồi đất thu hồi có nguồn gốc sử dụng đất thuộc phạm vi đất đã được Sở N tỉnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 500039 ngày 09/12/2010 cho Bộ Chỉ huy

Quân sự tỉnh C đối với ông H theo Quyết định số 2889/QĐ-UBND với tổng diện tích đất thu hồi là 3.608,2m². Theo đó, ông H được hỗ trợ tổng số tiền là 113.699.010 đồng (trong đó hỗ trợ về cây trồng, công trình, vật kiến trúc 27.102.210 đồng, hỗ trợ về đất 86.596.800 đồng).

Do đất thuộc trường hợp không được bồi thường nên các chính sách khác không được hỗ trợ (không được hỗ trợ chuyển đổi nghề), chỉ được hỗ trợ 05 chính sách theo quy định. Ông H xây dựng nhà vào năm 2021 nên được mức hỗ trợ 25%, đối với cây mai không tính giá trị chỉ hỗ trợ di dời.

* Ủy ban nhân dân tỉnh C có văn bản trình bày ý kiến:

Nguồn gốc đất trước ngày 07/6/1992 do đơn vị K51 thuộc vùng 5 Hải quân quản lý sử dụng. Trong quá trình quản lý, đơn vị K51 cấp một phần diện tích đất cho cán bộ Hải quân để làm nhà ở, trồng trọt, chăn nuôi cải thiện cuộc sống và giao khoán đất khu vực vành đai sân bay 3 Năm Căn cho các hộ gia đình, cá nhân nuôi tôm (có phiếu giao khoán làm ruộng tôm, Hợp đồng kinh tế về việc khoán đất nuôi tôm).

Từ ngày 7/6/1992, Quân khu I1 giao cho Ban chỉ huy quân sự huyện N cũ và Bộ chỉ huy quân sự quản lý. Sau khi ban chỉ huy quân sự huyện N cũ quản lý, tiếp tục ký hợp đồng kinh tế khoán đất nuôi tôm khu vực vành đai sân bay Năm Căn với các hộ gia đình, cá nhân (có Hợp đồng kinh tế và phiếu thu thuế), danh sách có hộ ông Đặng Liệt O.

Trong quá trình sử dụng đất giao khoán nuôi tôm, ông Đặng Liệt O tự ý chuyển nhượng cho ông Đinh Văn D. Ông D hoán đổi đất với ông Phạm Trọng S và ông S chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Trường H. Ông H sử dụng đến khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án vị trí đóng quân Cục 72 tổng cục I2.

Khu vực đất vành đai sân bay N là đất quốc phòng, trước ngày 7/6/1992 do đơn vị K51 thuộc vùng 5 Hải quân quản lý, sử dụng. Từ ngày 7/6/1992, quân khu 9 giao Ban chỉ huy quân sự huyện I1 cũ, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh M quản lý, sử dụng và được UBND tỉnh M cũ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05/3/1994, với diện tích 1.050.000m². Ngày 15/01/2008, chuyển giao và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban chỉ huy quân sự huyện N cũ quản lý, sử dụng.

Ngày 09/12/2010, chuyển giao và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 500039 cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh C, diện tích 916.315,2m² thửa đất số 24 tờ bản đồ số 38. Ngày 22/11/2021, Tổng tham mưu trưởng Q ban hành Quyết định số 2709/QĐ-TM về việc điều chuyển quyền quản lý, sử dụng khoảng 50ha đất quốc phòng do Quân khu I1 đang quản lý tại sân bay N cho tổng cục I2 quản lý, sử dụng vào mục đích quốc phòng.

Theo nội dung thỏa thuận trong các Phiếu khoán, Hợp đồng khoán đất nuôi tôm năm 1992, 1996 và 2001 “...Người nhận đất giao khoán không được sang nhượng, bán, đổi hoặc cho người khác thuê... Trong thời gian hợp đồng nếu có lệnh cấp trên lấy lại phần đất khoán để sử dụng cho các công trình Quốc phòng thì người nhận khoán phải trả lại đất và bên giao khoán sẽ không bồi hoàn tiền đầu tư vào đất cho bên nhận khoán...”.

Căn cứ khoản 4 Điều 81 Luật đất đai năm 2024, về các trường hợp thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai, quy định “Đất do nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho từ người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất mà người được giao đất, cho thuê đất không được chuyển nhượng, tặng cho theo quy định của Luật này”.

Căn cứ khoản 3 Điều 101 Luật đất đai năm 2024 về trường hợp không được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất, quy định “Đất thu hồi trong các trường hợp quy định tại Điều 81, khoản 1 và khoản 2 Điều 82 của Luật này”. Căn cứ khoản 4 Điều 101 Luật đất đai năm 2024, về trường hợp không được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất, quy định “Trường hợp không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của Luật này, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 96 của Luật này”.

Mặt khác, khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án vị trí đóng quân cục 72/Tổng cục I, Ủy ban nhân dân tỉnh có công văn số 572 ngày 15/11/2022 về việc xin ý kiến thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ các hộ bị ảnh hưởng dự án và được Bộ I1, Bộ I2 thống nhất chủ trương tại công văn số 275 ngày 20/02/2023. Theo đó, đã xem xét vận dụng quy định pháp luật đề hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Trường H bị ảnh hưởng bởi dự án.

Do nguồn gốc đất là đất quốc phòng, được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được Tổng tham mưu trưởng Q ban hành quyết định số 2709 điều chuyển tài sản công, do đó xác định đây là đất do Nhà nước quản lý, đối với khoản 4 Điều 81 và các khoản 3, 4 Điều 101 Luật đất đai năm 2024 và quy định pháp luật có liên quan, xét thấy nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Trường H là không có cơ sở để xem xét giải quyết. Do đó, ngày 29/8/2025, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B Quyết định 0806 giữ nguyên Quyết định số 1140 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông Nguyễn Trường H.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2026/HC-ST ngày 10/7/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cà Mau đã quyết định:

1. Bác toàn bộ khởi kiện của ông Nguyễn Trường H về việc yêu cầu hủy:
 - Quyết định giải quyết khiếu nại số 0806/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 về việc giải quyết khiếu nại lần hai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C.
 - Quyết định số 1140/QĐ-UBND ngày 08/5/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N.
 - Yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Đ thực hiện các chính sách hỗ trợ theo quy định pháp luật, cụ thể yêu cầu bồi thường nhà, nhà ở, vật kiến trúc bồi thường, hỗ trợ theo giá trị thực tế.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm chịu án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 11 tháng 7 năm 2026, ông Nguyễn Trường H kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện người khởi kiện trình bày: Giữ nguyên nội dung kháng cáo, yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm. Bởi lẽ, Bản án sơ thẩm nhận định nguồn gốc đất là đất quốc phòng là không chính xác, ông H đã sử dụng đất từ năm 1989 được chính quyền địa phương thừa nhận tại biên bản cuộc họp ngày 19/10/1989 của UBND huyện N. Ngoài ra, năm 1994, UBND tỉnh cấp đất cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh M không tuân thủ quy định về pháp luật đất đai về thu hồi đất, giao đất nhưng không bồi thường; Ngày 27/02/2015, Bộ I2 có văn bản số 1584/BQP-PM về việc chuyển giao đất quốc phòng do Quân K 9 quản lý cho địa phương tỉnh Cà Mau quản lý, nhưng cấp sơ thẩm chưa xem xét yếu tố này. Ngoài ra, Bản án sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng còn nhiều sai sót trong thu thập, xác minh nguồn gốc đất, do đất ông H có nguồn gốc sử dụng trước năm 1975; Hội đồng xét xử không đánh giá khách quan các chứng cứ, luận cứ bảo vệ của người khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện là UBND xã Đ, tỉnh Cà Mau trình bày: Không đồng ý với kháng cáo và căn cứ kháng cáo của người khởi kiện bởi, phương án bồi thường, hỗ trợ Ủy ban nhân dân xã Đ đã áp dụng đúng quy định pháp luật, căn cứ vào Luật đất đai năm 2024; Công văn 441/UBND-NNTN ngày 17/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh C về việc hỗ trợ di dời các hộ gia đình, cá nhân tại sân bay N. Ông H có 02 phần đất, 01 phần nằm trong Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 07/01/2008 về việc thu hồi 204.758,9m² và giao cho UBND thị trấn N quản lý tại Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 07/01/2008, phần này khi làm Cầu Kinh T1 đã bồi thường cho ông H một phần; Đối với phần đất có diện tích 3.608,2m² là phần đất nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh C, thể hiện tại Bản vẽ hiện trạng ngày 10/11/2022 của Trung tâm Kỹ thuật , quan trắc tài nguyên và Môi trường tỉnh C. Do đó, phần đất này của ông Nguyễn Trường H có nguồn gốc là đất Quốc phòng nên chỉ được hỗ trợ 40%, các cây trồng, tài sản trên đất đã bồi thường xong. Ông H đã nhận tiền và cam kết giao đất cho Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư xã Đ và Hội đồng đã giao phần đất này cho Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh C để bàn giao cho Cục I. Về chi phí tố tụng đồng ý giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch UBND tỉnh C trình bày: Thống nhất với lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND xã đất mới, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, các bên đương sự đã chấp hành đúng quy định Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Trường H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy:

[1] Xét đơn kháng cáo của ông Nguyễn Trường H thực hiện trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về tố tụng:

- Người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh C; Chủ tịch UBND xã Đ, tỉnh Cà Mau; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh C có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 157 của Luật tố tụng hành chính. Xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của pháp luật.

- Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Ông H yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 0806/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 về việc giải quyết khiếu nại lần hai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C. Hủy Quyết định số 1140/QĐ-UBND ngày 08/5/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N. do đó, quan hệ pháp luật là "khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai" theo quy định tại Điều 22 Luật đất đai và các Quyết định này là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân, được quy định tại khoản 1 Điều 30 và Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

- Xét về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 0806/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 về việc giải quyết khiếu nại lần hai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C. Quyết định số 1140/QĐ-UBND ngày 08/5/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N; Hội đồng xét xử thấy các quyết định được ban hành đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại theo quy định của Luật khiếu nại và Pháp luật có liên quan.

- Về thời hiệu khởi kiện quyết định hành chính: Quyết định giải quyết khiếu nại số 0806/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 về việc giải quyết khiếu nại lần hai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C. Quyết định số 1140/QĐ-UBND ngày 08/5/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N; ngày 22/9/2025 ông H gửi đơn khởi kiện đến Tòa án, nên còn thời hiệu khởi kiện được quy định tại Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

- Về xác định tư cách tham gia tố tụng: Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, Ban Chỉ huy phòng thủ khu vực 3 – Đ đã bị giải thể, hiện chưa có đơn vị nào thay thế. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm không đưa họ vào tham gia tố tụng vẫn đảm bảo nội dung giải quyết vụ án.

[3] Xét kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm của người khởi kiện ông Nguyễn Trường H thấy rằng: Người khởi kiện ông Nguyễn Trường H yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 0806/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 về việc giải quyết khiếu nại lần hai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C. Hủy Quyết định số 1140/QĐ-UBND ngày 08/5/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N thực hiện bồi thường giá trị đất đối với diện tích là 3.608,2m² mặt nước nuôi trồng thủy sản thửa đất số 9, tờ bản đồ số 01 tại ấp C, xã Đ, tỉnh Cà Mau, cây trồng, vật nuôi, nhà ở, vật kiến trúc gắn liền với đất, đầu tư chi phí vào đất, chi phí di chuyển tài sản, hỗ trợ chuyển đổi việc làm cho ông theo Luật Đất đai năm 2024; buộc Chủ tịch UBND xã Đ thực hiện đầy đủ các chính sách hỗ trợ, tái định cư theo quy định pháp luật.

[3.1] Về nguồn gốc đất, khu vực đất vành đai sân bay N là đất Quốc phòng,

trước năm 1992 do đơn vị K51 thuộc Vùng 5 Hải quân quản lý; được thể hiện tại cuộc họp ngày 16/10/1989 về việc giải quyết ranh giới phạm vi căn cứ Hải quân Năm Căn giữa Bộ Tư lệnh vùng 5 Hải quân và UBND huyện N. Trách nhiệm của UBND huyện N giải tỏa số hộ dân cư ấp S nằm trong phạm vi đất quân sự; tạo 01 đường ranh dọc đường K đào cách 100m để phân định ranh giới đất quân sự và địa phương theo tinh thần cuộc họp ngày 16/10/1989.

- Từ ngày 07/6/1992, Quân khu I1 giao Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh M và Ban Chỉ huy quân sự huyện N quản lý, sử dụng. Ngày 05/3/1994, UBND tỉnh M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt Giấy chứng nhận) cho Tỉnh đội M3, diện tích 1.050.000m², tại thị trấn N, huyện N.

- Tại Quyết định số 11/QĐ-UBND, ngày 07/01/2008 của UBND tỉnh C thu hồi đất của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh C diện tích 204,785,9m² và tại Quyết định số 12/QĐ-UBND, ngày 07/01/2008, UBND tỉnh C giao toàn bộ diện tích đất 204,785,9m² cho UBND thị trấn N quản lý. Ngày 09/12/2010, chuyển giao và cấp Giấy chứng nhận số BD 500039 cho Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh C, với diện tích 916.315,2m², thửa số 24, thuộc tờ bản đồ số 38.

- Tại Quyết định số 2709/QĐ-TM ngày 22/11/2021 của Tổng Tham mưu trưởng Q về việc điều chuyển quyền quản lý, sử dụng khoảng 50 ha đất Quốc phòng do Quân khu I1 đang quản lý tại sân bay N, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau cho Tổng cục I2 quản lý, sử dụng vào mục đích quốc phòng. Tại Điều 1 có nội dung: *điều chuyển quyền quản lý, sử dụng khoảng 50 ha đất quốc phòng...; trong đó: Khoảng 13,6ha đất không bị lấn chiếm và 36,4ha thuộc khu đất quốc phòng, 73,4ha bị lấn chiếm (có sơ đồ khu đất kèm theo).*

Từ những nội dung trên đã xác định từ năm 1989 đã có văn bản xác định đất quốc phòng; diện tích đất bị thu hồi của ông H thuộc đất quốc phòng.

[3.2] Tại Biên bản số 1093/BB-QK ngày 23/4/2024 họp thống nhất giải quyết một số vấn đề còn khó khăn, vướng mắc trong hỗ trợ giải phóng mặt bằng di dời các hộ gia đình, cá nhân; chủ trì cuộc họp có Phó tư lệnh Quân khu I1 và Phó Chủ tịch UBND tỉnh C, thành phần tham dự: đại diện Quân khu I1; đại diện lãnh đạo các sở ban ngành của tỉnh Cà Mau; Cục G, I2.

Nội dung cuộc họp: Về kinh phí, ngày 28/02/2024 Bộ trưởng Bộ I2 ký quyết định số 743/QĐ-BQP về việc giao dự toán ngân sách chi thường xuyên cho quốc phòng, trong đó bố trí vốn để hỗ trợ giải phóng mặt bằng di dời các hộ dân tại sân bay N; UBND tỉnh C phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

- Xét thấy những tồn tại trên khu đất này do công tác quản lý đất đai trước đây còn thiếu chặt chẽ, mang yếu tố lịch sử để lại, việc lấn chiếm đất trong thời gian dài chưa được giải quyết, xử lý dứt điểm. Do đó, để tháo gỡ khó khăn, giải quyết dứt điểm vụ việc, thống nhất khi xem xét thực hiện thu hồi đất, hỗ trợ di dời các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng thì không bồi thường, hỗ trợ về đất, mà chỉ hỗ trợ về cây trồng, vật nuôi, nhà ở, công trình vật kiến trúc để người dân di dời ổn định cuộc sống và sản xuất.

[4] Đối với phần đất diện tích 3.608,2m² (mặt nước nuôi trồng thủy sản) thửa đất số 9, tờ bản đồ số 01 tại ấp C, xã Đ, tỉnh Cà Mau mà ông H đang sử dụng. Quá trình sử dụng đất không có giấy tờ về quyền sử dụng đất, không kê khai đăng ký đất đai, không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất hoặc công nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Tại Bản vẽ hiện trạng ngày 10/11/2022, của Trung tâm Kỹ thuật, quan trắc tài nguyên và Môi trường tỉnh C thể hiện phần đất có diện tích 3.608,2m² ông H quản lý nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh C.

Theo khoản 3 và khoản 4 Điều 101 Luật Đất đai năm 2024 quy định trường hợp không được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất, trong đó có trường hợp đất thuộc diện vi phạm pháp luật về đất đai hoặc người sử dụng đất không đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ nguồn gốc và quá trình sử dụng đất nêu trên, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định ông Nguyễn Trường H không đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất đang sử dụng và không thuộc trường hợp được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi. Theo đó, ông H được hỗ trợ tổng số tiền là 113.699.010 đồng (trong đó hỗ trợ về cây trồng, công trình, vật kiến trúc 27.102.210 đồng, hỗ trợ về đất 86.596.800 đồng) là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Đối với yêu cầu của ông Nguyễn Trường H cho rằng các cơ quan nhà nước chưa áp dụng đầy đủ các quy định tại Luật Đất đai năm 2024 để hỗ trợ khi thu hồi đất, Hội đồng xét xử thấy rằng các chế độ hỗ trợ này phải được xem xét trên cơ sở nguồn gốc đất, điều kiện sử dụng đất và đối tượng được hưởng theo quy định của pháp luật. Trong vụ án này, diện tích đất ông H sử dụng thuộc phạm vi đất Quốc phòng do Nhà nước quản lý; ông H không có giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp, không kê khai đăng ký sử dụng đất và không đủ điều kiện được công nhận quyền sử dụng đất. Mặt khác, tài liệu hồ sơ thể hiện khi thực hiện dự án, Chủ tịch UBND tỉnh C đã có văn bản xin ý kiến Bộ I2 và được thống nhất chủ trương xem xét vận dụng quy định pháp luật để hỗ trợ có lợi cho các hộ bị ảnh hưởng, trong đó có hộ ông H. Do đó, việc ông H cho rằng các cơ quan nhà nước không thực hiện đầy đủ các chính sách hỗ trợ theo Luật Đất đai năm 2024 là không có căn cứ.

[6] Đối với kháng cáo của người khởi kiện cho rằng Công văn 1584/BQP-PM ngày 27/02/2015 của Bộ I2 đồng ý chuyển giao 734.650m² đất do Ban Chỉ huy quân sự huyện N thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh C quản lý. Tuy nhiên, đất do địa phương quản lý nhưng nguồn gốc là đất quốc phòng, việc thu hồi, bồi hoàn, hỗ trợ chuyển giao phải thực hiện theo quy định của về đất là nguồn gốc đất quốc phòng. Mặc khác, từ ngày Bộ I2 có chủ trương chuyển giao đất cho địa phương quản lý ngày 27/02/2015 đến nay, ông Nguyễn Trường H vẫn chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Do đó, UBND tỉnh C đã có chính sách hỗ trợ về đất: Hỗ trợ các hộ dân sử dụng đất quốc phòng trước ngày 01/7/2014 mức hỗ trợ bằng 40% giá đất cùng loại theo bảng giá đất do UBND tỉnh ban hành tương ứng với diện tích đất đang sử dụng. Từ đó, Hội đồng bồi thường hỗ trợ tái định cư huyện N đã áp giá hỗ trợ về đất cho ông

H mức 40% là đúng quy định và hỗ trợ khác đối với cây trồng theo quy định tại QĐ 40 ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh C.

[7] Từ nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy, người khởi kiện ông Nguyễn Trường H kháng cáo yêu cầu hủy án do vi phạm tố tụng là không có căn cứ chấp nhận. Về nội dung vụ án bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trường H là có căn cứ pháp luật. Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là phù hợp nên chấp nhận toàn bộ.

[8] Về chi phí tố tụng; án phí sơ thẩm, phúc thẩm: ông Nguyễn Trường H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Trường H. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số: 05/2026/HC-ST ngày 10 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ khởi kiện của ông Nguyễn Trường H về việc yêu cầu hủy: Quyết định giải quyết khiếu nại số 0806/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 về việc giải quyết khiếu nại lần hai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C; Quyết định số 1140/QĐ-UBND ngày 08/5/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N; Yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Đ thực hiện các chính sách hỗ trợ theo quy định pháp luật, cụ thể yêu cầu bồi thường nhà, nhà ở, vật kiến trúc bồi thường, hỗ trợ theo giá trị thực tế.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Trường H phải chịu 1.000.000 đồng, ông H đã nộp đủ.

3. Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Trường H phải chịu. Ngày 22/10/2025 ông H đã nộp số tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu số 0002896 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được đối trừ chuyển thu ngân sách Nhà nước.

4. Án phí hành chính phúc thẩm ông Nguyễn Trường H phải chịu 300.000 đồng. Đã qua ông H có dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000995 ngày 21/7/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển sang thu.

5. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cà Mau;
- Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM: TANDTCM)

Nguyễn A Đam